

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CSGD

(Ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT)

Vì sao phải kiểm
định chất lượng giáo
dục?



CĂN CỨ PHÁP LÝ (1)

- Luật giáo dục đại học: KĐCLGD là **bắt buộc** (cơ sở giáo dục và CTĐT)
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật GDĐH:
 - **Khoản 3 Điều 50: CSGDĐH không thực hiện kiểm định CTĐT** hoặc kết quả kiểm định CTĐT không đạt yêu cầu phải cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Sau 02 năm, kể từ ngày giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo hết hạn hoặc từ ngày có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, nếu không thực hiện kiểm định lại CTĐT hoặc kết quả kiểm định lại vẫn không đạt yêu cầu thì cơ sở giáo dục đại học phải **dừng tuyển sinh**

CĂN CỨ PHÁP LÝ (2)

- **Khoản 5 Điều 33:** Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, CTĐT phải được đánh giá chất lượng; ngay sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, CTĐT phải được kiểm định ... Trường hợp **không thực hiện đánh giá, kiểm định hoặc kết quả đánh giá, kiểm định không đạt yêu cầu**, CSGDĐH phải có trách nhiệm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm chuẩn đầu ra của CTĐT, bảo đảm quyền lợi cho người học, **không được tiếp tục tuyển sinh** ngành đào tạo đó cho đến khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GDĐH GIAI ĐOẠN 2019 – 2025

(Quyết định: 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019)

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

b) Về điều kiện bảo đảm chất lượng và KĐCLGD:

- Phấn đấu **100% cơ sở giáo dục đại học** (đủ điều kiện) thực hiện KĐCLGD, trong đó khoảng **10% được kiểm định** bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín;
- Trên **35% chương trình đào tạo được kiểm định** trong nước hoặc nước ngoài, trong đó 100% chương trình đào tạo giáo viên ở tất cả các trình độ được kiểm định;

- **Chỉ thị năm các năm học của Bộ GDĐT:**

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo: cơ sở giáo dục chưa đánh giá ngoài cần chủ động thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng và chuẩn bị các điều kiện để đánh giá ngoài; phần đầu đến hết năm 2020, cơ sở giáo dục có **ít nhất 10% chương trình đào tạo** có sinh viên tốt nghiệp được KĐCLGD (ít nhất 40% chương trình đào tạo giáo viên).

**Có cần thiết phải
KĐCLGD?**



Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT: Điều 51. Sử dụng kết quả KĐCLGD

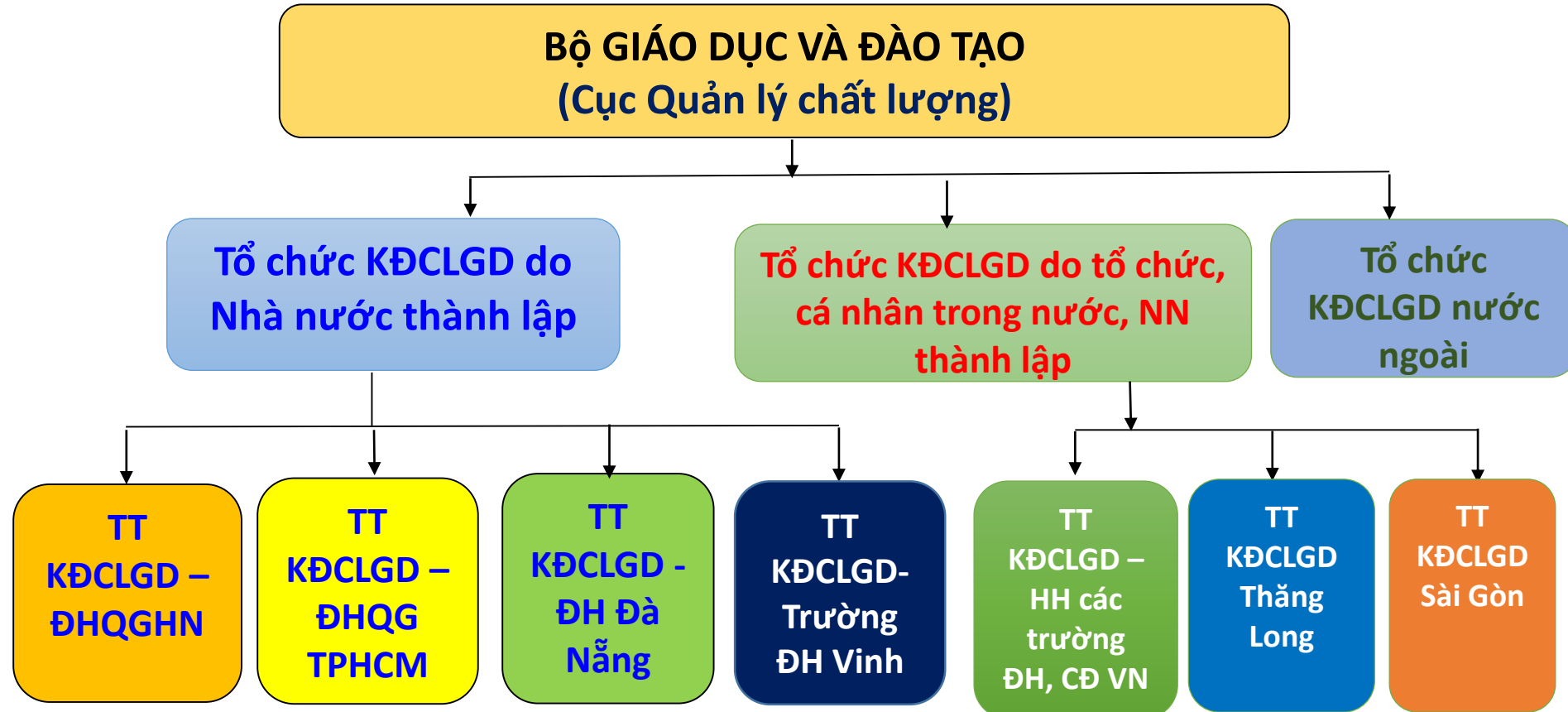
- **Kết quả KĐCL** CSGD được sử dụng làm căn cứ để xác định chất lượng GDĐH, vị thế và uy tín của CSGD; **thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm**; là một trong các tiêu chí để cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ, thực hiện phân tầng, xếp hạng, **giao quyền tự chủ** và sắp xếp lại mạng lưới CSGD.
- Các CSGD tham gia KĐCL theo quy định và được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng được cơ quan có thẩm quyền **ưu tiên lựa chọn để đầu tư phát triển, được thực hiện quyền tự chủ cao hơn.**
- CSGD tham gia KĐCL nhưng **chưa được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng bị hạn chế quyền tự chủ.** Nếu liên tục 03 năm sau đó mà vẫn không thực hiện cải tiến chất lượng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng thì sẽ bị áp dụng chế tài **hạn chế hoặc đình chỉ việc tuyển sinh.**

QĐ 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 về phát triển hệ thống ĐBCL và KĐCL giai đoạn 2022-2030

Mục tiêu giai đoạn 2022-2025

- Hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong;
- 100% cơ sở đào tạo hoàn thành TĐG; 95% đạt chuẩn chất lượng chu kỳ 1; 70% đạt chuẩn chất lượng chu kỳ 2;
- **35%** CTĐT đạt chuẩn chu kỳ 1
-

HỆ THỐNG TỔ CHỨC KĐCLGD Ở VIỆT NAM



Đối tượng KĐCLGD: Cơ sở giáo dục và Chương trình đào tạo

**KẾT QUẢ
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG TRONG NƯỚC

TT	Tên tổ chức KĐCLGD	Số lượt CSGD đánh giá ngoài				Số trường được công nhận				CTĐT	
		GDĐH		CĐSP		GDĐH		CĐSP		Đánh giá	Công nhận
		Chu kỳ 1	Chu kỳ 2	Chu kỳ 1	Chu kỳ 2	Chu kỳ 1	Chu kỳ 2	Chu kỳ 1	Chu kỳ 2		
1	VNU-CEA	60	7	3	0	58	3	3	0	190	175
2	VNU-HCM CEA	33	4	2	0	29	3	2	0	84	68
3	CEA-AVU&C	55	2	2	0	54	0	2	0	112	100
4	CEA-UD	20	0	3	0	20	0	3	0	39	27
5	VU-CEA	13	1	1	0	13	1	1	0	129	106
6	CEA-THANGLONG	-	-	-	-	-	-	-	-	12	4
7	CEA-SAIGON	-	-	-	-	-	-	-	-	9	0
	Tổng số	181 lượt	14 lượt	11	0	174	7	11	0	575	480
		175 trường	14 trường								

Cập nhật đến ngày 31/7/2022

Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>

ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TT	Tên tổ chức	Số CTĐT (lượt)	Số CSGD
1.	AUN-QA	280	03
2.	CTI	20	
3.	ABET	9	
4.	ACBSP	7	
5.	FIBAA	24	
6.	AMBA	1	
7.	IACBE	2	
8.	ENAAE	9	
9.	HCERES	1	05
10.	ASIIN	3	
	Tổng số	356	

Cập nhật đến ngày 31/7/2022

Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx>

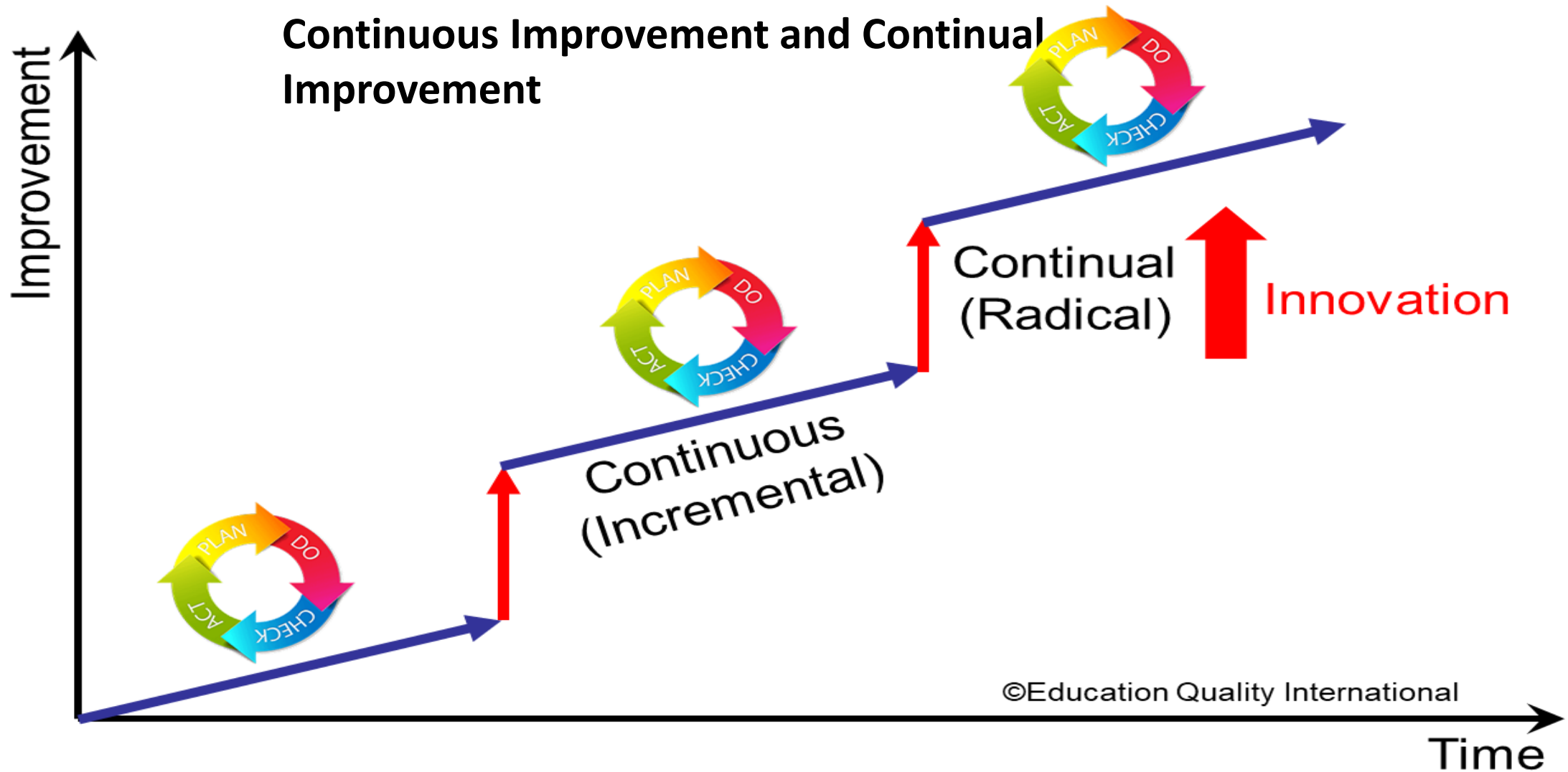
QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN TRONG ĐÁNH GIÁ

Quan điểm tiếp cận bộ tiêu chuẩn

Quan điểm xây dựng và tiếp cận bộ tiêu chuẩn AUN/QA?



Quan điểm tiếp cận: Chu trình PDCA

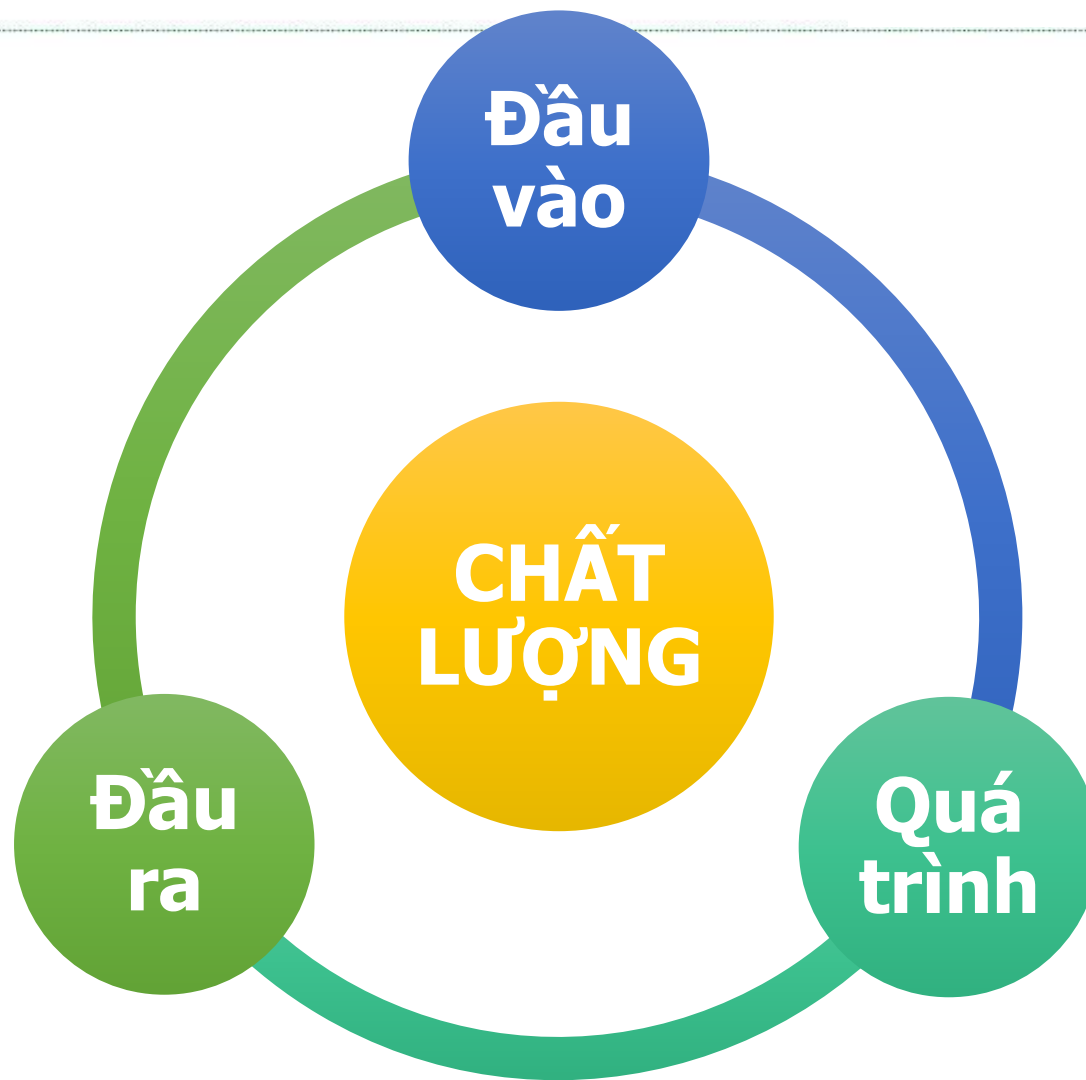


Các quan điểm, cách tiếp cận cốt lõi về CLGD và đánh giá CLGD

1. Thành tố chất lượng
2. Kiểm định chất lượng giáo dục dựa vào nguyên tắc
3. Tiếp cận PDCA
4. Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu



Các thành tố của chất lượng với các bên liên quan



ĐBCL DỰA TRÊN NGUYÊN LÝ VÀ ĐBCL DỰA TRÊN QUY ĐỊNH

Mức độ cải tiến chất lượng với tiếp cận đánh giá theo Nguyên lý so với tiếp cận đánh giá theo quy định



Tiếp cận đánh giá theo nguyên lý khởi đầu chậm hơn nhưng lợi ích lâu dài hơn trong cải tiến chất lượng. Tiếp cận theo quy định nhanh đạt kết quả hơn nhưng có xu hướng giảm dần

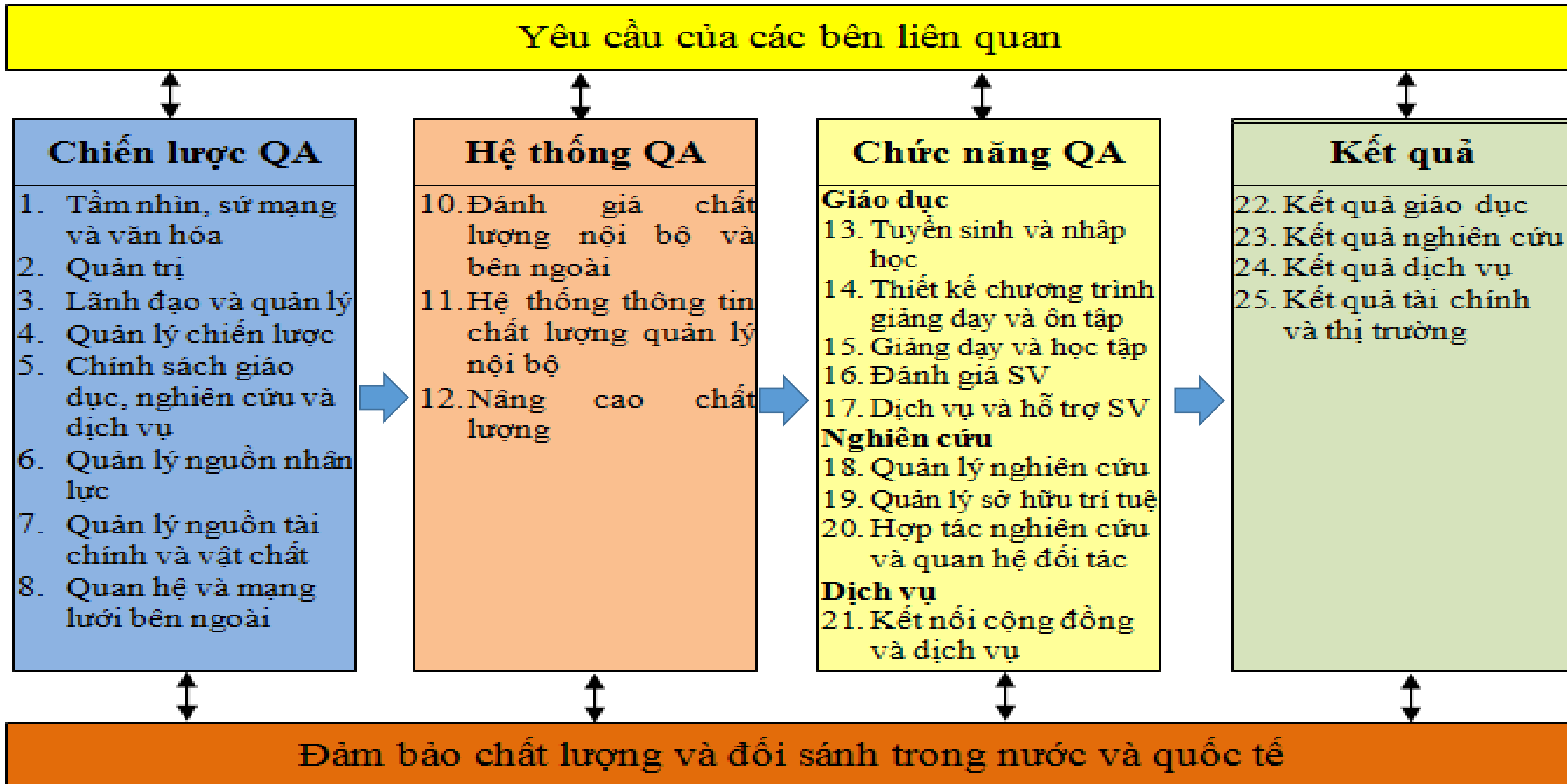
Quy định và Nguyên lý

- Từ năm 2004 - năm 2017: “Theo quy định”: = **MANAGER: DO THE RIGHT THINGS**
 - ✓ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo VBHN 06: 16/61 tiêu chí yêu cầu thực hiện “theo quy định”
 - ✓ Nghị quyết 77/NQ-CP về tự chủ đại học 12 lần yêu cầu “theo quy định”
 - ✓ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT: chỉ còn 1/111 tiêu chí yêu cầu “theo quy định”
- Từ 2017: “Theo nguyên lý” = **LEADER: DO THE THINGS RIGHT**
 - ✓ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT : 34 tiêu chí yêu cầu “thiết lập/xác lập – Giám sát - Đối sánh” để cải tiến
 - ✓ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT: 7/50 tiêu chí yêu cầu “thiết lập/xác lập – Giám sát - Đối sánh” để cải tiến

Kiểm định chất lượng giáo dục dựa vào nguyên lý

Đặc điểm	Dựa vào nguyên tắc, nguyên lý chung có tính khích lệ	Dựa vào các quy định, quy tắc có tính bắt buộc
Quan điểm về hệ thống chất lượng	Gắn kết và hệ thống	Độc lập và có tính tình huống
Trọng tâm	Cải tiến chất lượng	Tuân thủ
Thông tin phản hồi	Trong quá trình	Kết thúc - mang tính tổng kết
Mục tiêu cải tiến	Liên tục và ngữ cảnh hoá	Tĩnh và chuẩn hoá
Tham chiếu	Theo tiêu chí và không áp đặt	Theo chuẩn và áp đặt
Người đánh giá	Những người đồng cấp có kỹ năng	Các chuyên gia kỹ thuật
Không khí đánh giá	Tôn trọng và tin cậy lẫn nhau	Sợ hãi và nghi ngờ
Động lực đánh giá	Nội tại	Ngoại lai
Phương pháp	Đánh giá hoặc lượng giá	Kiểm toán

Khung đảm bảo chất lượng CSGD



SO SÁNH CÁC BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Các tiêu chí chỉ có trong Bộ tiêu chuẩn cũ (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) nhưng không có trong Bộ tiêu chuẩn mới

Có 14 tiêu chí:

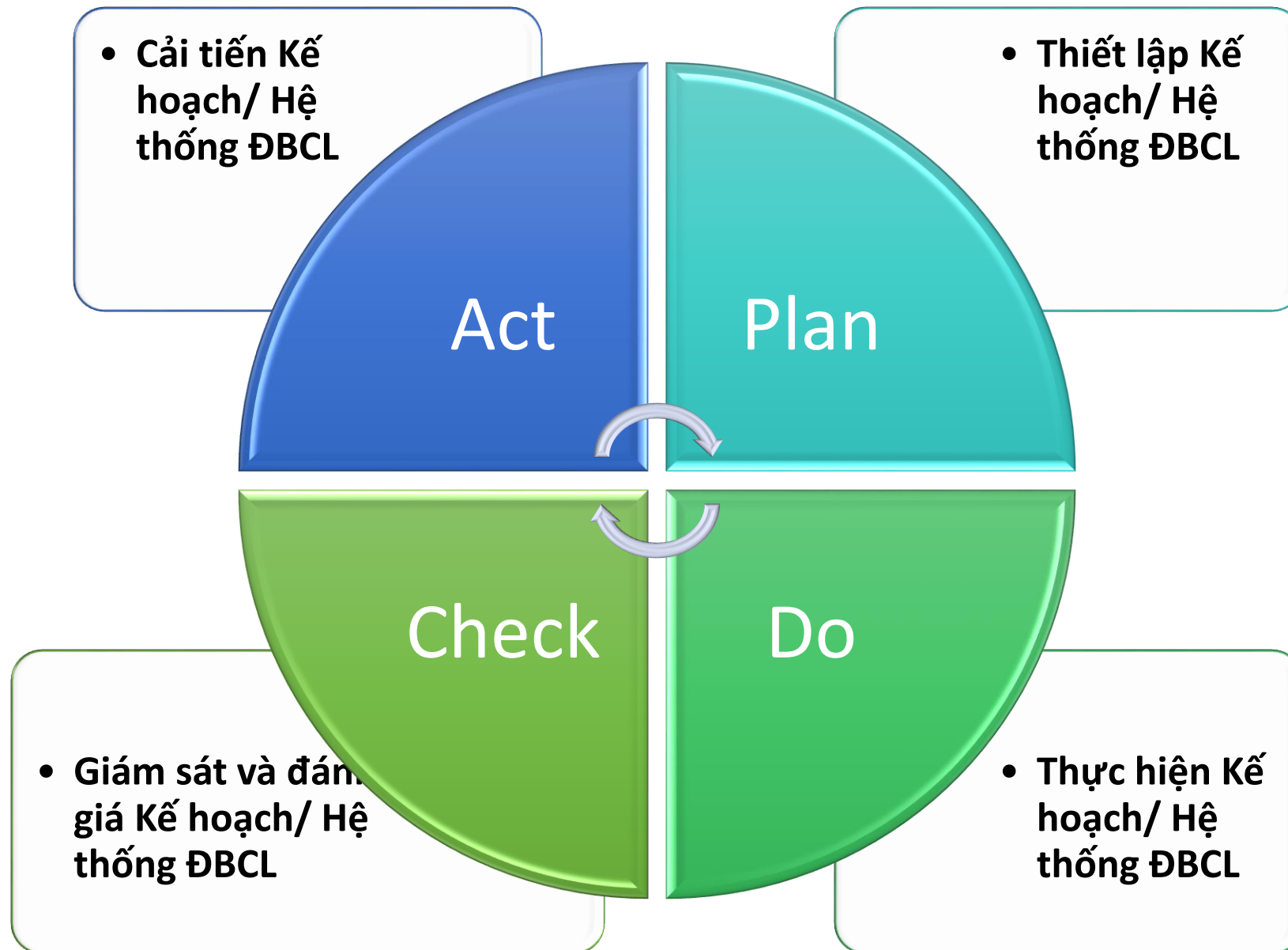
- Tiêu chuẩn 2: 2.4, 2.7
- Tiêu chuẩn 3: 3.3, 3.5
- Tiêu chuẩn 4: 4.2, 4.5
- Tiêu chuẩn 5: 5.2, 5.7
- Tiêu chuẩn 6: 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.6, 6.9

Các tiêu chuẩn, tiêu chí chỉ có trong Bộ tiêu chuẩn mới (25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí)

Có 8 tiêu chuẩn (33 tiêu chí):

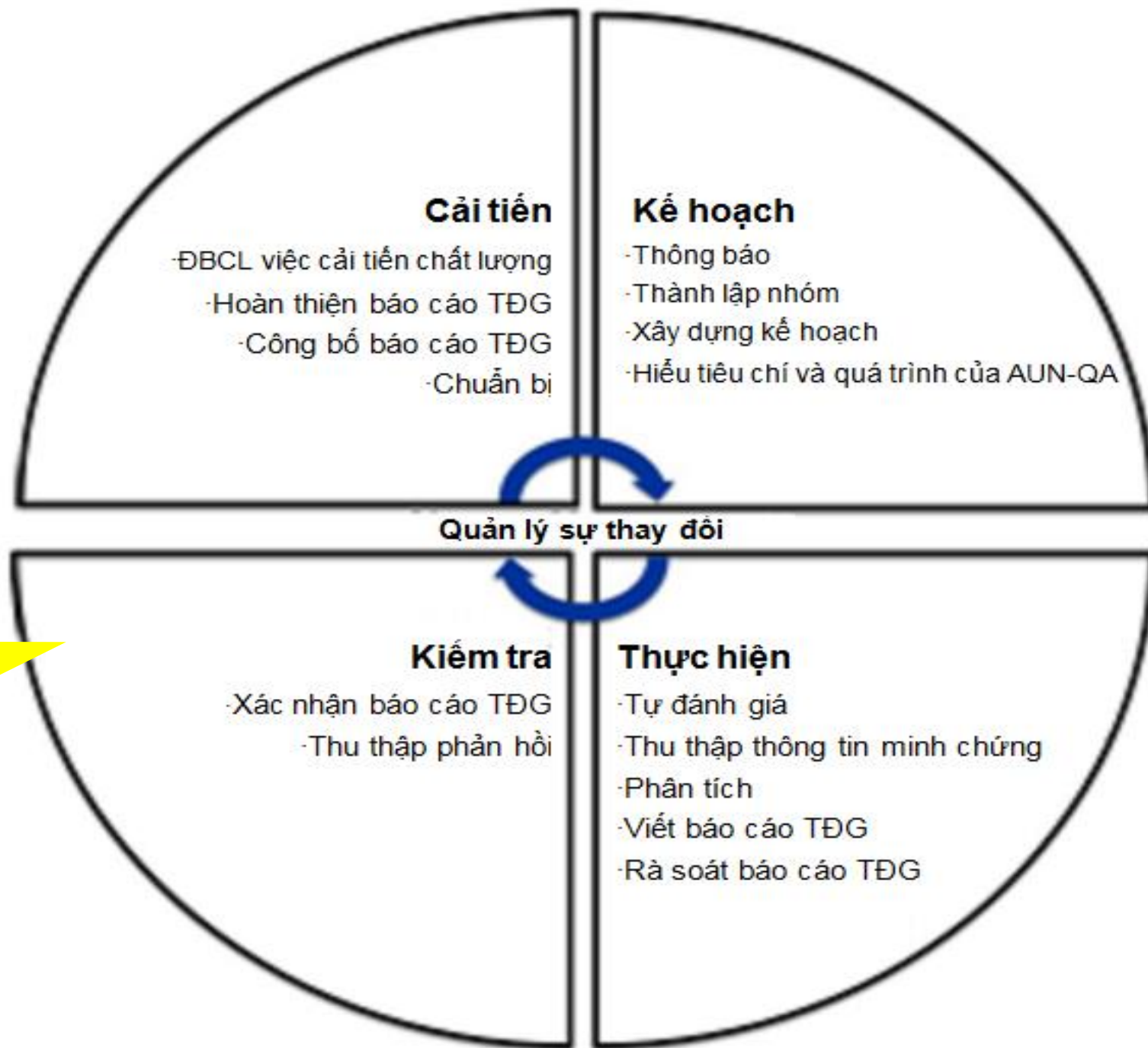
- Tiêu chuẩn 9 (6 TC) - Hệ thống ĐBCL bên trong
- Tiêu chuẩn 11 (4 TC) - Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong
- Tiêu chuẩn 12 (5 TC) - Nâng cao chất lượng
- Tiêu chuẩn 13 (5 TC) - Tuyển sinh và nhập học
- Tiêu chuẩn 19 (4 TC) - Quản lý tài sản trí tuệ
- Tiêu chuẩn 21 (4 TC) - Kết nối và phục vụ cộng đồng
- Tiêu chuẩn 24 (4 TC) - Kết quả phục vụ cộng đồng
- Tiêu chuẩn 25 (1 TC) - Kết quả tài chính và thị trường
(TC 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường)

Quan điểm tiếp cận về ĐBCL và đánh giá chất lượng



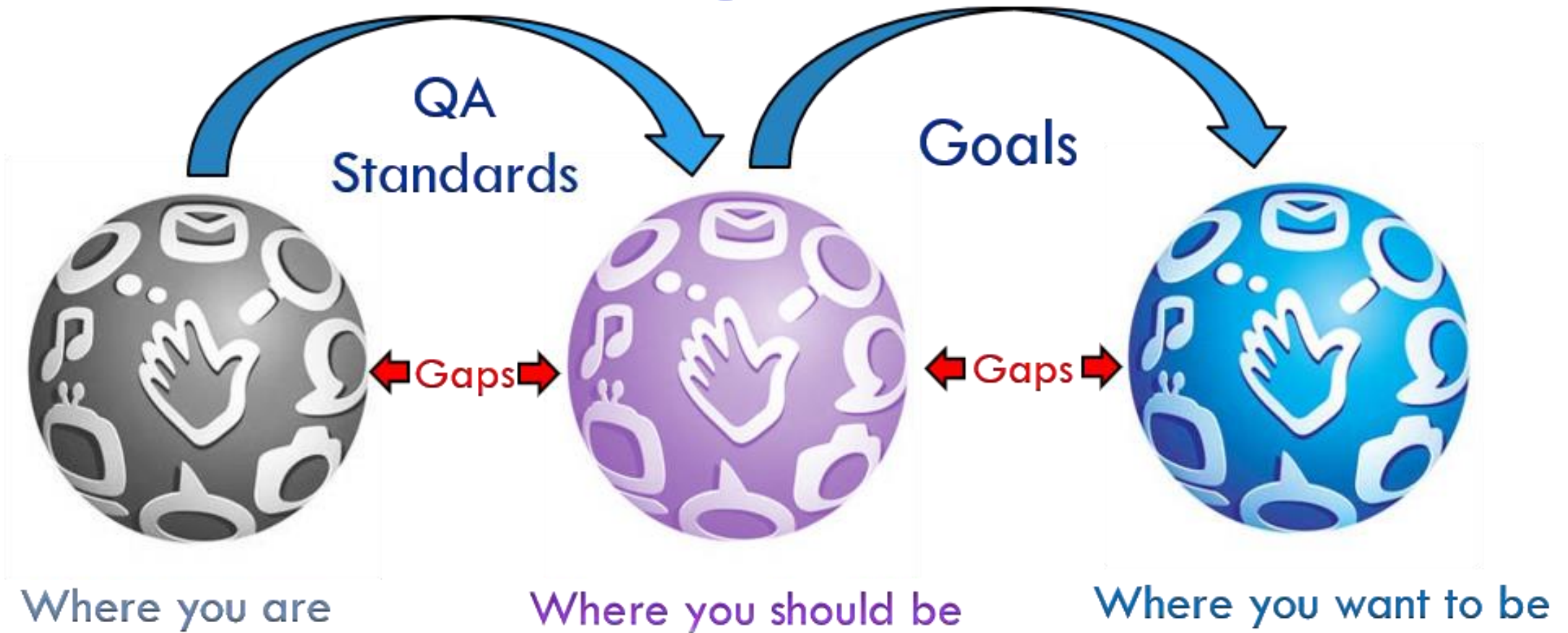
Quy trình PDCA trong Tự đánh giá

TĐG nhằm phân tích những tồn tại và điểm mạnh và cải tiến chất lượng



Self-Assessment (Gaps Analysis)

How to get there?



Kế hoạch cải tiến chất lượng để thu hẹp “khoảng cách”

II. Quan điểm về chất lượng và đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GDĐT



Một số khái niệm cần thống nhất

MỘT SỐ KHÁI NIỆM (1)

- 1. *Chất lượng của cơ sở giáo dục*** là sự **đáp ứng mục tiêu** do CSGD đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.
- 2. *Đánh giá chất lượng CSGD*** là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động của CSGD .
- 3. *Kiểm định chất lượng CSGD*** là hoạt động **đánh giá và công nhận** mức độ CSGD đạt tiêu chuẩn CLGD do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban

MỘT SỐ KHÁI NIỆM (2)

3. **Tự đánh giá** là quá trình CSGD **tự xem xét, nghiên cứu** dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá CLGD để báo cáo về thực trạng CLGD, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn CLGD .
4. **Đánh giá ngoài** là quá trình **khảo sát, đánh giá** của tổ chức KĐCLGD dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá CLGD để xác định mức độ đạt tiêu chuẩn CLGD .

MỘT SỐ KHÁI NIỆM (3)

5. *Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD* là mức độ yêu cầu và điều kiện mà CSGD phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD. Mỗi tiêu chuẩn ứng với một lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục; trong mỗi tiêu chuẩn có một số tiêu chí.
6. *Tiêu chí đánh giá chất lượng CSGD* là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.
7. *Chuẩn đầu ra (Expected Learning Outcome)* là **yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân** mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được CSGD cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

MỘT SỐ KHÁI NIỆM (4)

8. **Chương trình đào tạo (Programme)** gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật ...
9. **Chương trình dạy học (Curriculum)** gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.



MỘT SỐ KHÁI NIỆM (5)

10. **Đôi sánh (Benchmarking):** đối chiếu và so sánh một CSGD, CTDT với bộ tiêu chuẩn đánh giá CLGD hoặc với CSGD/CTDT.
11. **Các bên liên quan** đến cơ sở giáo dục bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.
12. **Triết lý giáo dục** là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

Các nhóm tiêu chuẩn về ĐBCL của BGDĐT (1)

Nhóm tiêu chuẩn		ĐBCL về mặt Chiến lược	
Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Số lượng TC	
1	Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	5	
2	Quản trị	4	
3	Lãnh đạo và quản lý	4	
4	Quản lý chiến lược	4	
5	Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ	4	
6	Quản lý nguồn nhân lực	7	
7	Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	5	
8	Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4	
		Tổng	37
Nhóm tiêu chuẩn		ĐBCL về mặt Hệ thống	
9	Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	6	
10	Đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài	4	
11	Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng	4	
12	Nâng cao chất lượng	5	
		Tổng	19

Các nhóm tiêu chuẩn về ĐBCL của BGDĐT (2)

Nhóm tiêu chuẩn		ĐBCL về mặt thực hiện Chức năng
Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Số lượng TC
Đào tạo		
13	Tuyển sinh và nhập học	5
14	Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5
15	Giảng dạy và học tập	5
16	Đánh giá sinh viên	4
17	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên	4
Nghiên cứu		
18	Quản lý nghiên cứu khoa học	4
19	Quản lý tài sản trí tuệ	4
20	Các hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4
Phục vụ cộng đồng		
21	Kết nối và phục vụ cộng đồng	4
		Tổng
		39
Nhóm tiêu chuẩn		Kết quả
22	Kết quả đào tạo	4
23	Kết quả nghiên cứu khoa học	6
24	Kết quả đóng góp phục vụ cộng đồng	4
25	Kết quả tài chính và thị trường giáo dục	2
		Tổng
		16

Quan điểm tiếp cận bộ tiêu chuẩn

Tính khoa học của bộ tiêu chuẩn AUN/QA

- Dựa trên nguyên tắc quản lý chất lượng tổng thể
- Được kiểm chứng qua thực tiễn áp dụng trong hệ thống ASEAN

Sự phù hợp của Bộ tiêu chuẩn AUN/QA với bối cảnh Việt Nam

- Hướng dẫn toàn diện và chi tiết giúp các CSGD xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế





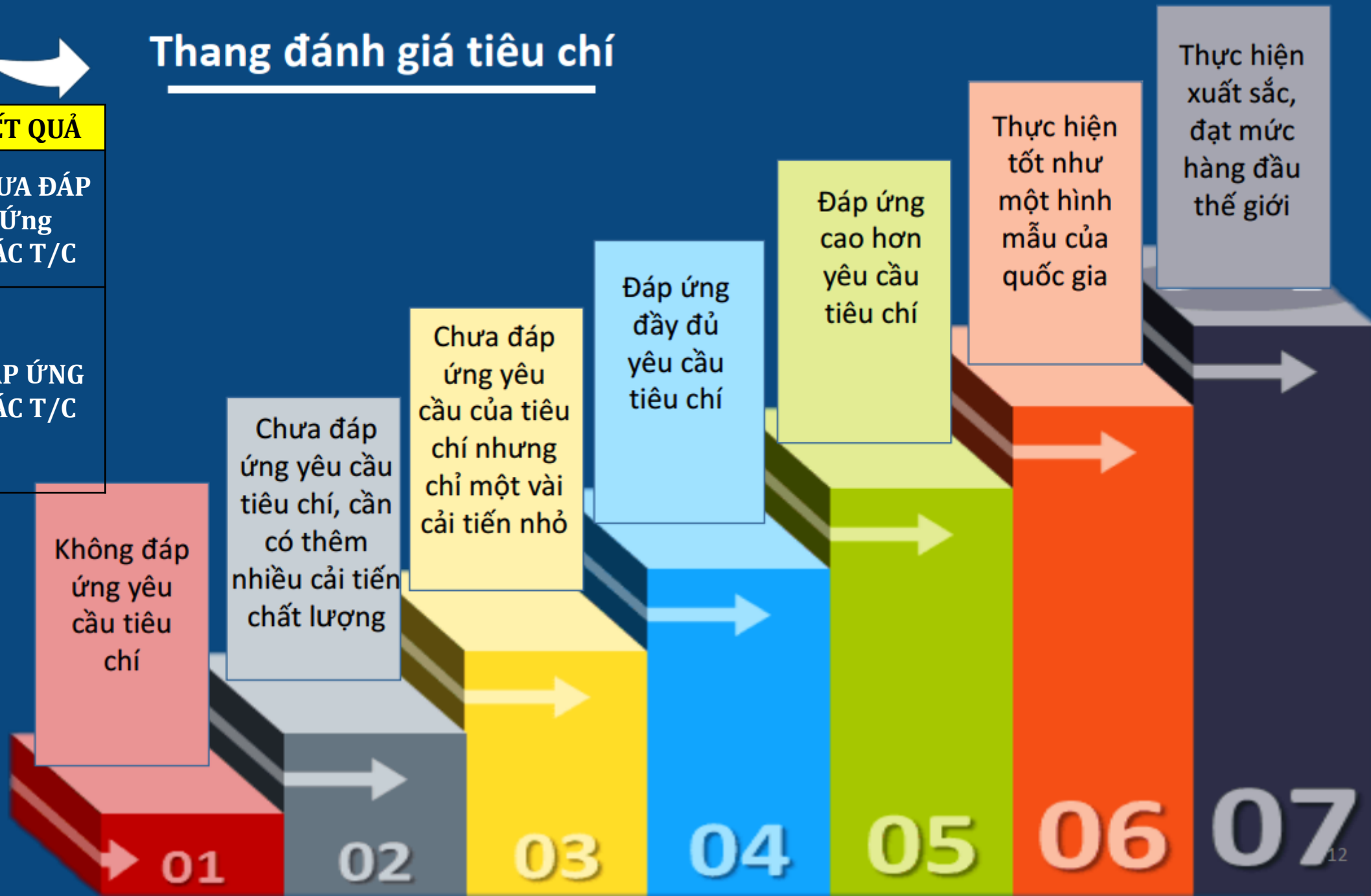
Cách đánh giá và cách tính điểm



Thang đánh giá tiêu chí



MỨC	KẾT QUẢ
1	CHƯA ĐÁP Ứng CÁC T/C
2	
3	
4	ĐÁP ỨNG CÁC T/C
5	
6	
7	





Cách tính điểm



Điểm của mỗi tiêu chí là điểm nguyên tương ứng với các mức đánh giá tiêu chí ở trên

Điểm của mỗi tiêu chuẩn là điểm trung bình cộng điểm các tiêu chí trong tiêu chuẩn đó

Điểm trung bình các tiêu chuẩn trong mỗi mục ĐBCL là điểm trung bình các tiêu chuẩn trong mục đó

BÀI HỌC CHO CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Sứ mạng:

- Chú trọng xây dựng chiến lược (sứ mạng, tầm nhìn)
- Sứ mạng phải được “tuôn chảy” từ trên xuống dưới trong nhà trường
- Mọi hoạt động cần được nhìn từ: Chiến lược – Cơ chế ĐBCL – Thực hiện chức năng – Kết quả

2. Kế hoạch, mốc chuẩn và KPI

- Luôn có kế hoạch
- Xây dựng, thực hiện, các “mốc chuẩn” trong mọi hoạt động
- Các chỉ số “định vị” Nhà trường trong hệ thống và trong thị trường
- Giám sát và cải tiến
- Chú ý sự tiến bộ, giám sát, đánh giá và cải tiến so với mốc chuẩn

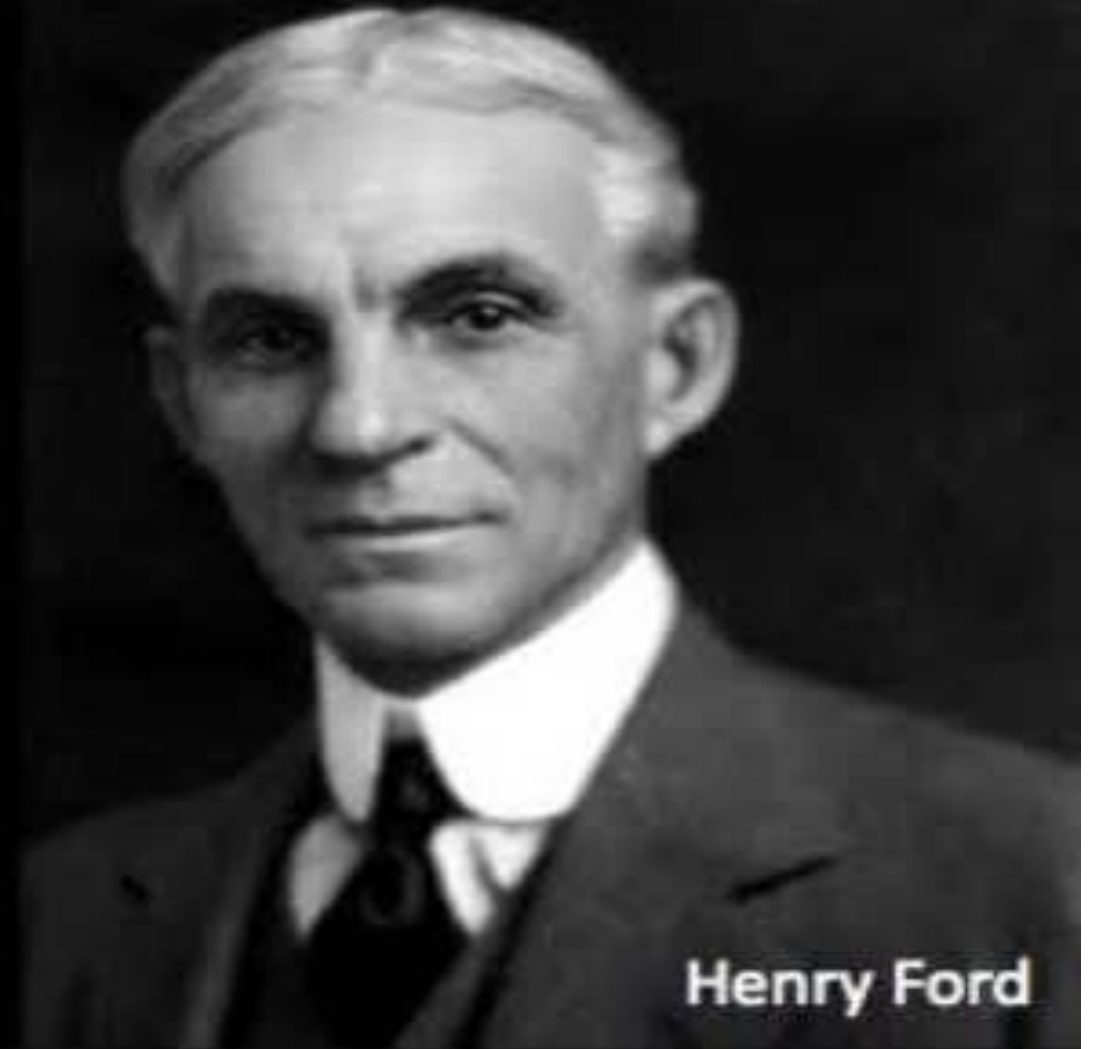
3. Sự hài lòng của các bên liên quan là điểm tham chiếu quan trọng

4. Bám sát “quy định” nhưng cần nhìn về phía “nguyên lý”

5. Cải tiến liên tục: PDCA

6. Sử dụng IQA là “động lực từ bên trong”; EQA là “áp lực từ bên ngoài”

**“Quality means
doing it right
when no one is
looking”**



Henry Ford



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN